

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2024/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Thực hiện Thông báo kết luận số 860-TB/TU ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã), viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nghị quyết này không áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác ở một chức danh nhưng vẫn đang đảm nhiệm một chức danh không chuyên trách khác hoặc được bố trí sang đảm nhiệm chức danh không chuyên trách khác.

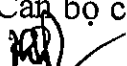
Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025, cơ quan có thẩm quyền không bố trí được vị trí công tác phù hợp, gồm:

a) Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức đủ điều kiện hưởng chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 29/2023/NĐ-CP) hoặc Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2015/NĐ-CP);

b) Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức có tuổi thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2020/NĐ-CP), đủ điều kiện hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng chưa đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP hoặc chưa đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP;

c) Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức chưa đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, chưa đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi hoặc chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP hoặc chưa đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP; đủ điều kiện hưởng chính sách thôi việc, thôi giữ chức vụ theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động. 

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 (không bao gồm chức danh kiêm nhiệm) nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức

Ngoài các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế, không đủ điều kiện về tuổi tái cử, thôi giữ chức vụ, thôi việc, tỉnh Thái Bình hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ một lần như sau:

a) Trường hợp nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành được hỗ trợ 10 tháng tiền lương hiện hưởng. Mức hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng/người;

b) Trường hợp nghỉ công tác sau thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình có hiệu lực thi hành đến thời điểm kết thúc lộ trình bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 được hỗ trợ 05 tháng tiền lương hiện hưởng. Mức hỗ trợ tối đa 50.000.000 đồng/người;

2. Đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này nếu nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành được hưởng chính sách hỗ trợ một lần như sau:


a) Được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Được hỗ trợ 01 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc;

c) Mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức quy định tại khoản này tối đa 100.000.000 đồng/người.

3. Đối với cán bộ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này nếu nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 có hiệu lực thi hành được hưởng chính sách hỗ trợ một lần như sau:

a) Được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Được hỗ trợ 01 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ đại hội của tổ chức; 

c) Mức hỗ trợ đối với cán bộ quy định tại khoản này tối đa 100.000.000 đồng/người.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Ngoài các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ một lần, gồm: 05 tháng phụ cấp hiện hưởng và tiếp tục được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế (nếu đang thực hiện) theo quy định cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác. Mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/người.

Điều 5. Cách xác định tiền lương và thời gian để tính chính sách hưởng hỗ trợ

1. Tiền lương hiện hưởng quy định tại Điều 3 Nghị quyết này là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ công tác. Tiền lương tháng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận của hợp đồng; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

2. Tiền lương bình quân để tính hưởng chính sách quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này là tiền lương tháng bình quân của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ công tác. Trường hợp chưa đủ 05 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội, thì tiền lương tháng bình quân của toàn bộ thời gian công tác.

3. Phụ cấp hiện hưởng quy định tại Điều 4 Nghị quyết này là phụ cấp tháng liền kề trước khi nghỉ công tác (không bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm).

4. Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng chính sách quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) nhưng chưa hưởng chế độ trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu tổng thời gian tính hỗ trợ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là $\frac{1}{2}$ năm và được hưởng hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của $\frac{1}{2}$ năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn là 01 năm.

5. Thời gian nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ đại hội của tổ chức để tính hưởng chính sách quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này là tổng thời gian công tác nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ đại hội của tổ chức. Nếu tổng thời gian tính hỗ trợ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là $\frac{1}{2}$ năm và được hưởng hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của $\frac{1}{2}$ năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn là 01 năm.

Điều 6. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết

này nếu được bầu cử, tuyển dụng, tuyển chọn vào làm cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình có hiệu lực thi hành thì trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được bầu cử, tuyển dụng, tuyển chọn vào làm cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách phải hoàn trả lại số tiền ngân sách tỉnh đã hỗ trợ.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này được bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

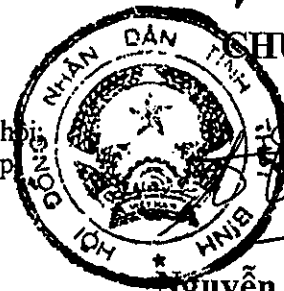
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, TTDN.



Nguyễn Tiến Thành